

Số: /TB-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 3 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trong thực hiện thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Công Thương

Thực hiện Quyết định số 708/QĐ-UBND, ngày 04/3/2022 của UBND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Trị năm 2022, Sở Công Thương phối hợp với Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh thực hiện tích hợp cấu hình Danh mục thủ tục hành chính mức độ cao thuộc thẩm quyền giải quyết trên lĩnh vực Công Thương lên Cổng dịch vụ công của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.quangtri.gov.vn>.

Sở Công Thương thông báo và khuyến khích các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ cao trong thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết (*Phụ lục đính kèm*).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc hoặc chưa rõ, kính đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên hệ bộ phận Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh để được hướng dẫn, hỗ trợ (*Địa chỉ: Số 22 Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị; điện thoại: 02333.636.999*).

Sở Công Thương thông báo và rất mong nhận được sự phối hợp thực hiện của quý các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân./.

Nơi nhận:

- VP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Trang TTĐT Sở, Website TTKC;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Thái Thị Hồng Minh

PHỤ LỤC I
Danh mục thủ tục hành chính mức độ cao trên Cổng dịch vụ công của tỉnh
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương
(Kèm theo Thông báo số /TB-SCT, ngày /3/2022 của Sở Công Thương Quảng Trị)

T T	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MĐ 3	MĐ 4
1	An toàn thực phẩm	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000591.000.00.00.H50		x
2	An toàn thực phẩm	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	2.000535.000.00.00.H50		x
3	Công nghiệp địa phương	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh	2.000331.000.00.00.H50		x
4	Dịch vụ thương mại	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	1.005190.000.00.00.H50		x
5	Dịch vụ thương mại	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại	2.000110.000.00.00.H50		x
6	Điện	Cấp giấy phép hoạt động tư vấn chuyên ngành điện thuộc thẩm quyền cấp của địa phương	2.001561.000.00.00.H50		x
7	Điện	Cấp thẻ Kiểm tra viên điện lực cho các đối tượng thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000543.000.00.00.H50		x
8	Điện	Huấn luyện và cấp mới thẻ an toàn điện	2.000621.000.00.00.H50		x
9	Hoá chất	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công	1.002758.000.00.00.H50		x

T T	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MD 3	MD 4
		ngiệp			
10	Hoá chất	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.000652.000.00.00.H50		x
11	Hoá chất	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001161.000.00.00.H50		x
12	Hoá chất	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001547.000.00.00.H50		x
13	Hoá chất	Cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp	2.001172.000.00.00.H50		x
14	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG	2.000354.000.00.00.H50		x
15	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải	2.000387.000.00.00.H50		x
16	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai	2.000073.000.00.00.H50		x
17	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	2.000142.000.00.00.H50		x
18	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải	2.000163.000.00.00.H50		x
19	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000175.000.00.00.H50		x
20	Kinh doanh khí	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG	2.000166.000.00.00.H50		x

T T	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MD 3	MD 4
21	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	2.000194.000.00.00.H50		x
22	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải	2.000196.000.00.00.H50		x
23	Lưu thông hàng hoá	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000674.000.00.00.H50		x
24	Lưu thông hàng hoá	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000673.000.00.00.H50		x
25	Lưu thông hàng hoá	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm)	2.001646.000.00.00.H50		x
26	Lưu thông hàng hoá	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000664.000.00.00.H50		x
27	Lưu thông hàng hoá	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	2.000666.000.00.00.H50		x
28	Lưu thông hàng hoá	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000672.000.00.00.H50		x
29	Lưu thông hàng hoá	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu	2.000669.000.00.00.H50		x
30	Lưu thông hàng hoá	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000647.000.00.00.H50		x
31	Lưu thông hàng hóa	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000637.000.00.00.H50		x

T T	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MD 3	MD 4
32	Lưu thông hàng hóa	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000197.000.00.00.H50		x
33	Lưu thông hàng hóa	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá	2.000640.000.00.00.H50		x
34	Lưu thông hàng hóa	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000626.000.00.00.H50		x
35	Lưu thông hàng hóa	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000204.000.00.00.H50		x
36	Lưu thông hàng hóa	Cấp lại Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá	2.000622.000.00.00.H50		x
37	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.000636.000.00.00.H50		x
38	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001624.000.00.00.H50		x
39	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000190.000.00.00.H50		x
40	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000648.000.00.00.H50		x
41	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000167.000.00.00.H50		x
42	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu	2.000645.000.00.00.H50		x
43	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá	2.000176.000.00.00.H50		x
44	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	2.001619.000.00.00.H50		x

T T	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MD 3	MD 4
45	Lưu thông hàng hóa trong nước	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu đăng ký giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	1.001005.000.00.00.H50		x
46	Lưu thông hàng hóa trong nước	Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000459.000.00.00.H50		x
47	Quản lý Cạnh tranh	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương	2.000191.000.00.00.H50		x
48	Quản lý cạnh tranh	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000309.000.00.00.H50		x
49	Quản lý cạnh tranh	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	2.000609.000.00.00.H50		x
50	Quản lý cạnh tranh	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000631.000.00.00.H50		x
51	Quản lý cạnh tranh	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương	2.000619.000.00.00.H50		x
52	Thương mại biên giới	Đăng ký thương nhân hoạt động thương mại biên giới Việt Nam - Lào	2.001272.000.00.00.H50		x
53	Thương mại Quốc tế	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	2.000063.000.00.00.H50		x
54	Thương mại Quốc tế	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	1.000774.000.00.00.H50		x
55	Thương mại Quốc tế	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	2.000662.000.00.00.H50		x
56	Thương mại Quốc tế	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn	2.000370.000.00.00.H50		x

T T	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MD 3	MD 4
57	Thương mại Quốc tế	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	2.000361.000.00.00.H50		x
58	Thương mại Quốc tế	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	2.000362.000.00.00.H50		x
59	Thương mại Quốc tế	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	2.002166.000.00.00.H50		x
60	Thương mại Quốc tế	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	2.000339.000.00.00.H50		x
61	Thương mại Quốc tế	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	2.000322.000.00.00.H50		x
62	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.001434.000.00.00.H50		x
63	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Thu hồi giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	1.003401.000.00.00.H50		x
64	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000221.000.00.00.H50		x
65	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	2.000172.000.00.00.H50		x
66	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở	2.000229.000.00.00.H50		x

T T	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MD 3	MD 4
		Công Thương			
67	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	2.000210.000.00.00.H50		x
68	Xuất nhập khẩu	Thủ tục lựa chọn thương nhân được phép tái xuất hàng hóa tạm nhập, tái xuất có điều kiện và hàng hóa tạm nhập, tái xuất theo Giấy phép qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới	2.001264.000.00.00.H50		x
69	Xúc tiến thương mại	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000004.000.00.00.H50		x
70	Xúc tiến thương mại	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000001.000.00.00.H50		x
71	Xúc tiến thương mại	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	2.000002.000.00.00.H50		x
72	Xúc tiến thương mại	Đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại tại Việt Nam	2.000131.000.00.00.H50		x
73	Xúc tiến thương mại	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	2.001474.000.00.00.H50		x
74	Xúc tiến thương mại	Thông báo hoạt động khuyến mại	2.000033.000.00.00.H50		x

Tổng cộng 74 dịch vụ công

PHỤ LỤC II

**Danh mục thủ tục hành chính trên lĩnh vực Công Thương mức độ cao trên Cổng dịch vụ công của tỉnh
thuộc thẩm quyền giải quyết tại UBND cấp huyện**

TT	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Mã số	Mức độ	
				MĐ 3	MĐ 4
1	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	1.001279.000.00.00.H50	x	
2	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000633.000.00.00.H50	x	
3	Công nghiệp tiêu dùng	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	2.000629.000.00.00.H50		x
4	Kinh doanh khí	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001283.000.00.00.H50		x
5	Kinh doanh khí	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001270.000.00.00.H50		x
6	Kinh doanh khí	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	2.001261.000.00.00.H50		x
7	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000181.000.00.00.H50	x	
8	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.000620.000.00.00.H50	x	
9	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	2.001240.000.00.00.H50	x	
10	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	2.000615.000.00.00.H50		x

11	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000162.000.00.00.H50		x
12	Lưu thông hàng hóa trong nước	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	2.000150.000.00.00.H50		x
13	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003459.000.00.00.H50		x
14	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003347.000.00.00.H50		x
15	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 02 xã trở lên)	1.003456.000.00.00.H50		x
16	Thủy lợi	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND huyện	1.003471.000.00.00.H50		x

Tổng cộng: 16 dịch vụ công